



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 1325/QĐ-TTg
ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo quán triệt chủ trương của Đảng, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và quốc phòng - an ninh với kinh tế - xã hội, tập trung phát triển trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an ninh, quốc phòng và hệ thống phòng thủ quốc gia; xây dựng lộ trình tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của quy hoạch đã đề ra.

b) Xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án để xây dựng các chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội trong việc thực hiện quy hoạch; đẩy mạnh hỗ trợ việc chuyển đổi và phát triển của các ngành, các tiểu vùng, các địa phương trong vùng theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Thiết lập khung kết quả thực hiện theo từng giai đoạn làm cơ sở để rà soát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch; xem xét điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp để đạt được mục tiêu phát triển đã đề ra.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo tính tuân thủ, tính kế thừa các chương trình hành động, kế hoạch thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt; đảm bảo tính liên kết, thống nhất, không chồng lấn, mâu thuẫn giữa các nhiệm vụ, chương trình, dự án của các ngành, các địa phương.

b) Đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bối cảnh hội nhập quốc tế.

c) Huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ, trong đó đặc biệt chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng.

d) Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động nguồn vốn; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực, đầu tư công có tính dẫn dắt tăng trưởng nguồn vốn đầu tư xã hội để tạo ra sự phát triển đột phá, thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của các ngành, lĩnh vực, vùng lãnh thổ và địa phương theo hướng giá trị cao và hiệu quả cao.

đ) Đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt của các địa phương trong triển khai thực hiện; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông thủy nội địa, cảng biển, sân bay, cấp nước, giáo dục, y tế.

e) Tổ chức thực hiện hiệu quả quy hoạch với tinh thần “Tăng tốc, đột phá, tiên phong, liên kết chặt chẽ, thực chất và hiệu quả” đi đôi với các cơ chế, chính sách thông thoáng, phát triển hạ tầng chiến lược nhanh, hiện đại, cơ chế quản trị thông minh, phù hợp với xu thế mới; khai thác hiệu quả các động lực phát triển mới là kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế tri thức và kinh tế chia sẻ; đẩy mạnh thực hiện đồng bộ, toàn diện 3 đột phá chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng và hoàn thiện thể chế, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, kích hoạt mọi nguồn lực của xã hội để phát triển.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Các nhóm nhiệm vụ trọng tâm

a) Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao

- Phát triển mạnh một số ngành công nghiệp: cơ khí chế tạo, hóa dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hóa dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hóa chất. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao như: điện tử - viễn thông; công nghiệp sản xuất rô bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp hóa phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vắc xin, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ; tăng cường kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp, tập trung phát triển các cụm liên kết ngành;

- Phát triển các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; chuyển dịch nhanh những lĩnh vực công nghiệp, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, hàm lượng giá trị gia tăng thấp sang sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có hàm lượng giá trị gia tăng cao;

- Phát triển dịch vụ có chất lượng và có giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin - viễn thông; khoa học công nghệ; giáo dục - đào tạo; y tế; du lịch; logistics;

- Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Tây Ninh. Tập trung xây dựng Trung tâm logistics hàng không gắn với sân bay quốc tế Long Thành, đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng tại Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế tại tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn. Phát triển, mở rộng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hiện hữu. Xây dựng mới một số khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ nhằm hình thành động lực phát triển các ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp, thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước đầu tư sản xuất các sản phẩm công nghệ cao phục vụ cho nông nghiệp; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc; gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. Tăng cường bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát;

- Phát triển mạnh kinh tế biển, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí và du lịch biển. Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, bao gồm cảng biển du lịch và các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hóa, vui chơi giải trí chất lượng cao.

b) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ và hiện đại

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các dự án giao thông kết nối, các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng khu công nghệ cao, khu công nghiệp. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không đầu mối của khu vực; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thủy chính của vùng; nâng cao năng lực của hệ thống cảng biển; quan tâm phát triển giao thông đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển; kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các Khu du lịch, đặc biệt các địa điểm có tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia;

- Hoàn thành đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo quy hoạch đã được duyệt như Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành, Dầu Giây - Liên Khương, Gò Dầu - Xa Mát, Chơn Thành - Đức Hoà, Chơn Thành - Gia Nghĩa; nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc, quốc lộ: Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, tuyến kết nối sân bay Long Thành (Quốc lộ 20B). Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt Mộc Bài (Tây Ninh) - Bàu Bàng (Bình Dương) và các đoạn tuyến kết nối với hệ thống đường sắt quốc gia hướng ra cảng biển cửa ngõ quốc tế;

- Đẩy nhanh, hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Bình Dương, Đồng Nai, tuyến đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt vận tải hàng hóa Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải; Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ;

- Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa; hình thành các cụm cảng phục vụ nhu cầu thu gom, giải tỏa hàng hóa cho các cảng biển lớn trong vùng; tiếp tục phát triển, hiện đại hóa cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải, đầu tư xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn, phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch; đưa vào khai thác cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; đầu tư mở rộng cảng hàng không Côn Đảo.

c) Xây dựng và phát triển hệ thống đô thị

- Nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm hiện đại, thông minh và kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới; thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; thực

hiện hiệu quả mô hình thành phố trực thuộc thành phố; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực. Nghiên cứu chuyên đổi chức năng các khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp với quy hoạch. Tập trung xây dựng nhà ở để bảo đảm điều kiện sống cho người lao động có thu nhập thấp và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của vùng. Phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á. Hạn chế phát triển thêm các khu công nghiệp tại các khu vực đô thị trung tâm của vùng. Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ, thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành và khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ tỉnh Bình Dương;

- Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành các đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị, đủ sức cạnh tranh, hội nhập khu vực và quốc tế, có vai trò quan trọng trong mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, châu Á;

- Hình thành các vùng đô thị trong đó: (1) Tiểu vùng trung tâm gồm các đô thị: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa, Nhơn Trạch (Đồng Nai); đô thị Bình Dương trên cơ sở cụm các đô thị gồm các thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát và đô thị Bàu Bàng. (2) Tiểu vùng ven biển gồm các đô thị: Vũng Tàu, Bà Rịa, Phú Mỹ (Bà Rịa - Vũng Tàu); Cần Giò (Thành phố Hồ Chí Minh); (3) Tiểu vùng phía Bắc gồm các đô thị: Đồng Xoài, Chơn Thành (Bình Phước); Trảng Bàng (Tây Ninh).

d) Phát triển các lĩnh vực xã hội

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực số, nhân lực quản trị công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp; nhân lực quản lý xã hội và tổ chức cuộc sống, chăm sóc con người. Rà soát, sắp xếp mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề, bảo đảm hoạt động hiệu quả, chất lượng, phù hợp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng; có cơ chế đặc thù cho đối tượng là người dân đưa lên định cư trên biên giới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất sản xuất; có chính sách hỗ trợ công ăn, việc làm, vốn đầu tư, bảo đảm các nguồn an sinh xã hội... tạo điều kiện cho các hộ dân làm ăn sinh sống trên tuyến biên giới được bền vững;

- Tạo sự chuyên biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm, các phòng thí nghiệm hiện đại dùng chung; đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất thiết bị trong giáo dục và đào tạo cho vùng. Gắn kết chặt chẽ giáo dục - đào tạo với phát triển doanh nghiệp và thị trường lao động. Phát triển Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, trường Đại học Việt Đức và một số trường đại học lớn theo hướng có trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu châu Á. Tiên phong, đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông; phát triển mạng lưới trường học, đảm bảo tính khoa học, linh hoạt, kế thừa, ổn định lâu dài và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế của địa phương; phù hợp với việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã theo hướng tinh gọn;

- Nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô đào tạo với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý theo nhiều hình thức; đẩy mạnh công tác giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường, có chế độ thu hút nhân tài, đãi ngộ người tài năng về làm việc trong vùng. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh; tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia;

- Tập trung phát triển hệ thống y tế nhằm chăm sóc sức khỏe nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng, bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe, tiếp cận dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Đầu tư xây dựng các tổ hợp công trình y tế chất lượng cao tầm cỡ quốc tế, quốc gia; đầu tư phát triển các Bệnh viện tuyến Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa cấp vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh; tiếp tục duy trì, phát triển, nâng cao năng lực và bảo đảm hiệu quả hoạt động bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện Trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế;

- Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, tôn giáo, đặc biệt là chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt các chính sách xã hội và bảo đảm an sinh xã hội, rút ngắn khoảng cách nghèo giàu giữa các địa phương trong vùng, trong các tầng lớp nhân dân. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn tệ nạn xã hội, tội phạm; giảm tai nạn giao thông; bảo đảm trật tự, an toàn cho nhân dân;

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển nhà ở xã hội cho công nhân, chương trình phát triển nhà ở xã hội và chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn và gia đình chính sách.

đ) Quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tiếp tục thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học gắn với các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

- Khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng và bảo vệ chức năng nguồn nước; kiểm soát và hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và thí điểm công trình điều tiết dòng chảy;

- Hoàn chỉnh hệ thống xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường. Sử dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian phát triển theo hướng bền vững;

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm vận hành an toàn các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; bổ sung, nâng cấp hệ thống chống ngập úng do mưa lớn, triều cường ở Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng, nâng cấp các công trình phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn;

- Nâng cấp hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa để bảo đảm an ninh nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước và phòng, chống lũ cho Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước. Xây dựng, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi; bảo đảm vận hành an toàn các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; bổ sung, nâng cấp hệ thống chống ngập úng do mưa lớn, triều cường ở Thành phố Hồ Chí Minh; nghiên cứu, xây dựng các bể ngầm chứa nước mưa để điều tiết và hạn chế ngập ở các khu vực trung tâm; xây dựng, nâng cấp các công trình phòng chống hạn hán và xâm nhập mặn;

- Phát triển và nâng cao chất lượng rừng nhằm hấp thụ và trung hòa các-bon hướng đến mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và kinh tế các-bon thấp;

- Nhân rộng khu công nghiệp sinh thái để thực hiện kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam theo chương trình khu công nghiệp sinh thái toàn cầu và cam kết chính phủ tại Hội nghị về Biến đổi khí hậu COP26 tại Thụy Sĩ hướng tới net zero từ nay đến năm 2050.

e) Phát triển kinh tế đối ngoại và hợp tác liên kết vùng, nội vùng

- Xây dựng và thể chế hóa cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm điều phối hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và vùng đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước

trong khu vực và các định chế quốc tế khác, nhằm thu hút các nguồn lực vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của vùng; tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng để bảo đảm sử dụng hiệu quả các nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng Đông Nam Bộ;

- Tăng cường trách nhiệm, vai trò chủ động của các địa phương cùng với sự tham gia mạnh mẽ, rộng rãi của cộng đồng doanh nghiệp, các tổ chức, hiệp hội trong việc thúc đẩy hợp tác, liên kết vùng;

- Phát huy hiệu quả vai trò của Hội đồng Điều phối vùng Đông Nam Bộ trong điều phối liên kết phát triển vùng. Xây dựng kế hoạch điều phối liên kết vùng hàng năm trên cơ sở các định hướng, giải pháp đã được đề cập trong quy hoạch vùng. Nghiên cứu thành lập một số tiểu ban và Tổ công tác chuyên ngành theo yêu cầu thực tiễn để nâng cao hiệu quả điều phối;

- Ban hành chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết tự nguyện; tăng cường tham gia của các hiệp hội ngành hàng và hiệp hội doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình xúc tiến thương mại nội địa và xúc tiến xuất khẩu, thực hiện kết nối sản xuất, tiêu thụ sản phẩm thế mạnh của các tỉnh, thành trong vùng nhằm giúp doanh nghiệp định hướng xây dựng chiến lược phát triển, cải tiến chất lượng sản phẩm, tìm kiếm những thị trường tiềm năng;

- Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm thu hút, tranh thủ các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển vùng. Nghiên cứu thúc đẩy các hợp tác, thu hút và tranh thủ các nguồn lực với các nước trong khu vực và các đối tác phát triển của các cơ chế hợp tác tiểu vùng Mê Kông, đặc biệt là trong cơ chế Mê Kông - Nhật Bản, Mê Kông - Hàn Quốc, Hợp tác Kinh tế tiểu vùng Mê Kông mở rộng (GMS) với mục tiêu phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu. Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác;

- Tạo điều kiện, phát huy tối đa về vị thế địa lý đối với công tác đối ngoại để kết hợp kinh tế - xã hội và giao lưu quốc tế; có chủ trương, cơ chế đặc thù đối với các tỉnh biên giới; chủ động triển khai, mở rộng các hoạt động giao lưu nhân dân với tỉnh biên giới giáp ranh.

g) Về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: Phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy đồng bộ, hiện đại, phù hợp với điều kiện của vùng, tiểu vùng. Xây dựng, nâng cấp mở rộng trung tâm chỉ huy, trụ sở, doanh trại cho các đơn vị cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo ổn định lâu dài và phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các địa phương trong vùng. Phát triển đồng bộ hệ thống cấp nước, hạ tầng giao thông, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

h) Về quốc phòng, an ninh: Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn vùng, trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất quốc phòng; quy hoạch các công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng; quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt bản đồ quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn vùng.

i) Đánh giá thực hiện các mục tiêu quy hoạch: Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu quy hoạch vùng đề ra (chi tiết tại Phụ lục I).

2. Dự kiến triển khai các dự án quan trọng của vùng

a) Dự kiến triển khai các dự án quan trọng sử dụng vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với các định hướng phát triển của đất nước, quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển vùng Đông Nam Bộ tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Là các dự án quan trọng đã được xác định trong quy hoạch vùng; các dự án phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia trên địa bàn vùng.

- Các dự án quan trọng cần ưu tiên thực hiện:

+ Ưu tiên cao nhất cho việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật có tính kết nối liên vùng, liên tỉnh, gồm: hệ thống giao thông kết nối; phát triển nguồn điện, lưới điện; hạ tầng thủy lợi, cấp, thoát nước, phòng chống thiên tai; hạ tầng kỹ thuật đô thị tại các khu vực động lực đã được xác định trong quy hoạch vùng;

+ Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các dự án hạ tầng xã hội cấp vùng mang tính lan tỏa, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn với đảm bảo an sinh xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn vùng.

b) Dự kiến dự án quan trọng sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Việc triển khai các dự án phải đảm bảo nguyên tắc:

+ Phù hợp với chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

+ Phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển trong các quy hoạch cấp quốc gia và định hướng phát triển vùng Đông Nam Bộ.

- Loại hình dự án quan trọng dự kiến ưu tiên:

+ Thu hút triển khai các dự án quan trọng nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, những điểm nghẽn trong phát triển của vùng giai đoạn vừa qua, tập trung vào các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng các khu công nghệ cao, khu công nghiệp. Ưu tiên các dự án gắn với phát triển các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ, vùng động lực trên địa bàn vùng; các dự án gắn với giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra trong quy hoạch;

+ Các dự án mang lại lợi ích tích cực về kinh tế - xã hội, có tính lan tỏa sâu rộng, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng. Quan tâm đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ kết nối các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn với những khu vực có vai trò động lực của vùng;

+ Dự án có công nghệ hiện đại, kết nối đồng bộ với các công trình hạ tầng cấp quốc gia trên địa bàn vùng nhằm phát huy hiệu quả của hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội;

+ Thu hút đầu tư gia tăng mật độ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn vùng gắn với công nghệ tiên tiến, hiện đại.

- Định hướng thu hút đầu tư từ đầu tư công và nguồn vốn xã hội hóa cho các ngành, lĩnh vực.

c) Danh mục các dự án quan trọng của vùng dự kiến triển khai: Chi tiết tại Phụ lục II.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Kế hoạch sử dụng đất của các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương thời kỳ 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền ban hành; các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng có trách nhiệm xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai để triển khai các chương trình, dự án trên địa bàn vùng phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền giao, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù

Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương có trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đã được xác định trong giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, trình cấp có thẩm quyền ban hành để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng (chi tiết tại Phụ lục III).

5. Danh mục các quy hoạch hết hiệu lực

Danh mục các quy hoạch trên địa bàn vùng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương hết hiệu lực, trong đó có các Quy hoạch đã được tích hợp vào Quy hoạch vùng theo Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ (chi tiết tại Phụ lục IV).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ

a) Tham mưu giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo điều phối, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương trong vùng triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ các nhiệm vụ, chương trình, dự án trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

b) Nghiên cứu, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng và hoạt động điều phối với Chủ tịch Hội đồng Điều phối vùng.

c) Nghiên cứu xây dựng phương án huy động nguồn lực trong nước, quốc tế, điều phối việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án để triển khai thực hiện quy hoạch vùng; hoạt động xúc tiến đầu tư chung của vùng.

d) Tham mưu, nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch vùng, cơ chế điều phối, liên kết vùng trình cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Công bố Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư, đối tác phát triển trong nước và quốc tế nhằm huy động nguồn lực thực hiện các mục tiêu quy hoạch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương có liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo định kỳ hằng năm và 05 năm về kết quả thực hiện quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan

- Chủ trì phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương trong vùng triển khai các chương trình, dự án đã được xác định tại quy hoạch và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chức năng quản lý.

- Ưu tiên nguồn lực và tập trung triển khai các chương trình, dự án về: giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, y tế, văn hóa, bảo vệ tài nguyên, môi trường trên địa bàn vùng, góp phần giải quyết an sinh xã hội, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa đa dạng, đặc sắc của vùng;

- Đánh giá việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn vùng theo chức năng quản lý; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá việc thực hiện quy hoạch vùng hằng năm, 05 năm theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Các địa phương vùng Đông Nam Bộ

- rà soát trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong trường hợp cần thiết) đảm bảo cụ thể hóa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt.

- Cập nhật chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất an ninh đến năm 2030 và bổ sung tổng diện tích định hướng sử dụng đất an ninh đến năm 2050 vào quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với Quy hoạch sử dụng đất an ninh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền và người dân hiểu đúng và đầy đủ về nội dung Quy hoạch vùng và Kế hoạch thực hiện quy hoạch vùng Đông Nam Bộ;

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện quy hoạch ngay sau khi quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gắn với việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và Kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai cho các chương trình, dự án; chủ trì thực hiện việc giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn theo chức năng quản lý.

- Phối hợp và triển khai đồng bộ các dự án có tính chất liên vùng, liên tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ gửi báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

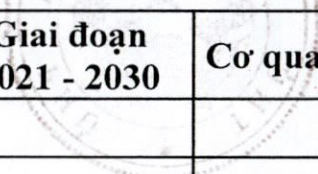


Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		8 - 9%	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu kinh tế				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Dịch vụ	%		41 - 42	
	Công nghiệp	%	>40	45 - 46%	
	Nông, lâm, thủy sản	%	< 10	2 - 3%;	
3	GRDP bình quân đầu người	USD		14.500 - 16.000	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%	>50		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%		35 - 40%	Bộ Thông tin và Truyền thông
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	>50	70 - 75%	Bộ Xây dựng
7	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	>90		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m ²	32		Bộ Xây dựng
9	Tỷ lệ sinh viên đại học trên 1 vạn dân	sinh viên	400		Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	40 - 45%		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân	Giường bệnh	35		Bộ Y tế
12	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	Bác sỹ	19		Bộ Y tế
13	Tỷ lệ che phủ rừng	%		19,6%	Bộ Nông nghiệp và



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Giai đoạn 2021 - 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
					Phát triển nông thôn
14	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	95		Bộ Tài nguyên và Môi trường
15	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn	%	90		Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn	%	98		Bộ Tài nguyên và Môi trường



Phụ lục II
DỰ KIẾN PHÂN KỲ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA VÙNG
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
I	Các dự án được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia							
1	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	Các địa phương liên quan	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	X	X		X	X
2	Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	Các địa phương liên quan	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	X	X	X	X	X
3	Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Đường bộ cao tốc Đông - Tây)	Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh	Bộ GTVT và các bộ, ngành liên quan	X	X		X	X
4	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (Đường bộ cao tốc Đông - Tây)	Tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ GTVT và UBND các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, các bộ, ngành liên quan	X	X		X	
5	Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Tỉnh Đồng Nai	Bộ GTVT, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước, UBND tỉnh Đồng Nai	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
6	Đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh: Bình Dương, Đồng Nai, các bộ, ngành liên quan	X	X		X	X
7	Đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải, các bộ, ngành và địa phương liên quan	X	X		X	X
8	Đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam qua địa bàn vùng Đông Nam Bộ	Các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan		X	X	X	X
9	Các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh/các bộ, ngành và địa phương liên quan	X	X	X	X	X
10	Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (Đường sắt kết nối với cảng biển cửa ngõ quốc tế)	Các địa phương liên quan	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan		X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
II	Các dự án quan trọng khác							
1	Các tuyến đường bộ cao tốc, quốc lộ, đường sắt kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; tuyến đường bộ ven biển theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan	X	X	X	X	X
2	Các tuyến đường bộ liên tỉnh, kết nối vùng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Giao thông vận tải và các địa phương liên quan	X	X	X	X	X
3	Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ	Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, các bộ, ngành liên quan	X	X	X	X	X
4	Các bến cảng của cảng Cái Mép - Thị Vải (mục tiêu trở thành cảng trung chuyển quốc tế lớn tầm cỡ khu vực và quốc tế)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
5	Đầu tư di dời các cảng trên sông Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh/các bộ, ngành liên quan		X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
6	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai	Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Bình Dương và Đồng Nai	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, các bộ, ngành có liên quan	X	X	X	X	X
7	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
8	Tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan		X	X	X	X
9	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
10	Mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo, nâng cấp Cảng hàng không Biên Hòa	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Đồng Nai	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
11	Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa, nâng cao tính không các cầu trên các tuyến đường thủy nội địa quan trọng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
12	Các nhà máy điện; các trạm biến áp và đường dây truyền tải liên vùng, nội vùng theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương liên quan		X		X	X
13	Các kho xăng, dầu, LNG, LPG, tuyến ống vận chuyển nhiên liệu theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
14	Các hệ thống thủy lợi, hồ chứa theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
15	Khu thương mại tự do tại Cái Mép Hạ (Bà Rịa - Vũng Tàu) gắn với cảng biển	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các bộ, ngành, địa phương liên quan		X		X	X
16	Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành, địa phương liên quan		X		X	X
17	Hạ tầng cho phát triển Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành, địa phương liên quan		X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
18	Các trung tâm logistics hàng không tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai; trung tâm logistics gắn với cảng biển tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu	Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
19	Hệ thống công trình chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
20	Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á	Thành phố Hồ Chí Minh	ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ GDĐT và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
21	Phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu trong khu vực Châu Á theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.	Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương	Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
22	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ cao đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
23	Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao tại tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.	Tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
24	Phát triển các Bệnh viện trực thuộc Bộ Y tế, các Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh đảm nhận chức năng vùng, các Bệnh viện, Trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế; Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực phía Nam theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt.	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Y tế và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
25	Mở rộng, phát triển khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
26	Đầu tư nâng cấp các cơ sở khoa học, công nghệ công lập trọng điểm theo quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia được phê duyệt	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan ngang bộ, địa phương được giao quản lý cơ sở khoa học, công nghệ công lập trọng điểm ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
27	Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, vùng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X
28	Thành lập Trung tâm chuyển đổi số vùng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
29	Trung tâm dữ liệu lớn của vùng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
30	Phát triển các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
31	Phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Các địa phương trong vùng ĐNB, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành liên quan	X	X		X	X
32	Các trung tâm buro chính vùng	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương liên quan	X	X		X	X
33	Các khu xử lý chất thải tập trung cấp vùng, liên tỉnh	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
34	Xử lý ô nhiễm môi trường nước tại sông Đồng Nai, sông Sài Gòn	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
35	Xây dựng Khu liên hợp thể thao quốc gia Rạch Chiếc tại Thành phố Hồ Chí Minh	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành, địa phương liên quan	X	X		X	X
36	Đầu tư phát triển hạ tầng các địa điểm có tiềm năng phát triển thành Khu du lịch quốc gia đã được xác định trong Quy hoạch ngành quốc gia	Các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch các bộ, ngành liên quan	X	X	X	X	X

TT	Các chương trình, dự án	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư			Ưu tiên sử dụng nguồn vốn	
				2021 - 2025	2026 - 2030	Sau 2030	(NSNN, ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài)	(Vốn ngoài ngân sách nhà nước)
37	Đầu tư phát triển hạ tầng Khu du lịch quốc gia Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X	X	X	X
38	Đầu tư phát triển hạ tầng trung tâm du lịch tại thành phố Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		X	X	X	X



Phụ lục III

XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ CHO VÙNG

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
1	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đặc thù để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (kéo dài đến tỉnh Bình Dương, Đồng Nai).	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bộ Giao thông vận tải, tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	Chính phủ
2	Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp đưa Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế.	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Chính phủ
3	Nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định liên quan về quản lý hàng hải để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cảng Cái Mép - Thị Vải và cảng Cần Giờ vận hành theo chức năng cảng trung chuyển quốc tế, có sức cạnh tranh với các cảng trong khu vực.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ
4	Nghiên cứu, ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt với các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip, có tính đến quy định về thuế tối thiểu toàn cầu.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, Đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Cấp trình
5	Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách phù hợp hỗ trợ quá trình chuyển đổi công năng các khu công nghiệp, di dời sản xuất của các doanh nghiệp gắn với tổ chức lại không gian công nghiệp - đô thị giữa các tiểu vùng và phát triển các khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Chính phủ
6	Nghiên cứu cơ chế, chính sách thúc đẩy xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các loại hình nhà ở thương mại có giá cả phù hợp với khả năng chi trả của người dân trên địa bàn vùng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành và các địa phương	Năm 2025	Chính phủ



Phụ lục IV
DANH MỤC CÁC QUY HOẠCH TRÊN ĐỊA BÀN VÙNG THUỘC THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG HẾT HIỆU LỰC
(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 1325/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên quy hoạch	Cơ quan ban hành	Số quyết định ban hành	Ngày ban hành
1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020	Thủ tướng Chính phủ	943/QĐ-TTg	20/7/2012
2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	252/QĐ-TTg	13/02/2014
3	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	2055/QĐ-TTg	23/11/2015
4	Quy hoạch phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Bộ trưởng Bộ Công Thương	3318/QĐ-BCT	28/8/2017
5	Quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, gia đình, thể dục thể thao và du lịch vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	Thủ tướng Chính phủ	1400/QĐ-TTg	18/8/2015
6	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.	Thủ tướng Chính phủ	2351/QĐ-TTg	24/12/2014